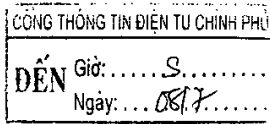


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /2015/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 7 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Công chứng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp Ninh Bình tại Tờ trình số 50/TTr-STP ngày 18/6/2015 về việc quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần thù lao công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, như sau:

1. Soạn thảo hợp đồng giao dịch

a) Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh: 300.000 đ/trường hợp;

b) Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, văn bản khai nhận di sản thừa kế: 200.000 đ/trường hợp;

c) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: 150.000 đ/trường hợp;

d) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất: 150.000 đ/trường hợp;

đ) Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp: 150.000 đ/trường hợp;

e) Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác: 150.000 đ/trường hợp;

g) Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô: 100.000 đ/trường hợp;

h) Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy: 50.000 đ/trường hợp;

i) Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản: 150.000 đ/trường hợp;

k) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản: 150.000 đ/trường hợp;

l) Hợp đồng vay tiền: 100.000 đ/trường hợp;

m) Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng: 100.000 đ/trường hợp;

n) Di chúc: 100.000 đ/trường hợp;

o) Hợp đồng ủy quyền: 100.000 đ/trường hợp;

p) Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch: 50.000 đ/trường hợp;

q) Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch: 50.000 đ/trường hợp;

r) Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế: 50.000 đ/trường hợp;

s) Giấy ủy quyền: 50.000 đ/trường hợp;

t) Hợp đồng, giao dịch khác: 100.000 đ/trường hợp.

2. Đánh máy, sao chụp văn bản

a) Đánh máy văn bản (trang A4): 5.000 đ/trang

b) Sao chụp văn bản (trang A4): 500 đ/trang

c) Sao chụp văn bản (trang A3): 2000 đ/trang

3. Dịch giấy tờ, văn bản

a) Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt

- Dịch từ Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc nhóm EU sang Tiếng Việt: 120.000 đ/trang;

- Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang Tiếng Việt: 150.000 đ/trang.

b) Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài

- Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc nhóm EU: 150.000 đ/trang;

- Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài khác: 170.000 đ/trang

4. Các việc khác liên quan đến công chứng

a) Sao lục hồ sơ: 50.000 đ/trường hợp;

b) Công bố di chúc: 150.000 đ/trường hợp;

c) Niêm yết thông báo hồ sơ thừa kế: 150.000 đ/trường hợp.

5. Công chứng ngoài trụ sở

(Trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành hình phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng)

Ngoài việc phải chi trả chi phí tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này (nếu có), người yêu cầu công chứng phải trả thêm:

a) Trong phạm vi dưới 10 km: địa điểm công chứng ở đồng bằng là 200.000 đ/trường hợp; địa điểm công chứng ở vùng sâu, vùng xa là 300.000 đ/trường hợp;

b) Trong phạm vi từ 10 km đến 50 km: địa điểm công chứng ở đồng bằng là 300.000 đ/trường hợp; địa điểm công chứng ở vùng sâu, vùng xa là 400.000 đ/trường hợp;

c) Trong phạm vi trên 50 km: địa điểm công chứng ở đồng bằng là 500.000 đ/trường hợp; địa điểm công chứng ở vùng sâu, vùng xa là 600.000 đ/trường hợp;

d) Riêng tiền tàu xe và các chi phí khác do người yêu cầu công chứng chi trả cho công chứng viên theo chế độ chính sách hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề Công chứng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức trần công chứng quy định tại Điều 1, Quyết định này và niêm yết công khai các mức thù lao tại trụ sở của mình.

Tổ chức hành nghề công chứng thu thù lao cao hơn mức trần thù lao và mức thù lao đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng về thù lao công chứng.

Điều 3. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản;
- Cục Hỗ trợ Tư pháp;
- Website Chính phủ; ✓
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP5, VP7.

PH/08

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

